

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Điều lệ) quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Quỹ phát triển đất/Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội.
2. Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội.
3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở, thông tin liên hệ và vốn điều lệ

1. Tên gọi
 - a) Tên tiếng Việt: Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội.
 - b) Tên giao dịch quốc tế: HaNoi Land Development Fund.
 - c) Tên viết tắt: HNLDF
2. Địa chỉ trụ sở: Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội có trụ sở đặt tại trụ sở chính của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố - số 2, ngõ Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
3. Thông tin liên hệ
 - a) Điện thoại: 024.39335469;
 - b) Website: quyphattriendathanoi.gov.vn
4. Vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất là: 5.967.120.000.000 đồng (bằng chữ: Năm nghìn, chín trăm sáu mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng).

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn Thành phố.

3. Quỹ phát triển đất có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quỹ phát triển đất và pháp luật có liên quan.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng nguồn vốn hoạt động Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất

Nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại Khoản 7 Điều 14 Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ phát triển đất

Quyền hạn của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ:

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:
 - a) Hội đồng quản lý: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.
 - b) Ban kiểm soát: Trưởng Ban và các thành viên.
 - c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ là cơ quan điều hành (Ban điều hành) của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.
2. Mô hình hoạt động: Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội quản lý Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý

Hội đồng quản lý của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập; thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ gồm 05 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, thành phần cụ thể như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố.
 - b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ phát triển đất.
 - c) 03 Thành viên Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Việc kiện toàn, thay đổi số lượng, cơ cấu thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thành viên Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và các quy định của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đối với tiêu chuẩn chức danh chính mà đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đang đảm nhiệm tại cơ quan nơi công tác.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ phát triển đất theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế, quy trình liên quan tới hoạt động của Quỹ theo yêu cầu quản lý; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều lệ này.

đ) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Quỹ.

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này, phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và pháp luật.

b) Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 02 lần/năm để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc hoặc Trưởng ban Kiểm soát Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

c) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được tổ chức dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

d) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự.

đ) Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ lập văn bản xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ trong các trường hợp sau: Chưa tổ chức được cuộc họp thường kỳ hoặc họp đột xuất của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định; Giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ mà chưa cần thiết phải tổ chức cuộc họp; Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt tại cuộc họp; Khi Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ xin ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

e) Khi được lấy ý kiến theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này, các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời hạn được đề nghị hoặc trong vòng 05 ngày làm việc nếu không nêu thời hạn kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

g) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp). Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

h) Các nội dung thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các đại biểu tham dự cuộc họp (gồm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và người được cử dự họp thay thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nếu

có) cùng ký xác nhận. Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

i) Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ phát triển đất và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, bao gồm phụ cấp, thù lao cho thành viên Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ phát triển đất và theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố và pháp luật liên quan.

Điều 9. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ phát triển đất.

2. Ban kiểm soát có tối đa 03 (ba) thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên.

a) Trưởng ban kiểm soát là Trưởng ban kiểm soát của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố;

b) Thành viên Ban kiểm soát là thành viên ban kiểm soát của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của Quỹ phát triển đất.

3. Thành viên Ban kiểm soát không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng quản lý về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và các quy định của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn

nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Thành viên Ban kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc nghỉ hưu đối với Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với kiểm soát viên doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ này, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

7. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát

a) Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể. Thành viên Ban Kiểm soát được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban phân công. Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước Hội đồng quản lý và Trưởng ban.

b) Giám sát là biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời kiến nghị xử lý các vi phạm chế độ, chính sách và vi phạm quy chế, quy trình và Điều lệ Quỹ. Có 02 hình thức giám sát, cụ thể:

Giám sát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo được Quỹ gửi đến và qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; Ban Kiểm soát kiểm tra, đối chiếu với các quy định của nhà nước, Điều lệ và các Quy chế của Quỹ. Nếu phát hiện có vi phạm các quy định về quản lý tài chính của nhà nước, Ban Kiểm soát phải có ý kiến đề Hội đồng quản lý, Giám đốc xem xét và có sự điều chỉnh.

Giám sát trực tiếp: Theo sự phân công của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát được trực tiếp làm việc với các phòng nghiệp vụ của Quỹ để giám sát tại chỗ việc chấp hành các Quy chế và Điều lệ của Quỹ, sau đó, báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát để kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.

c) Kiểm tra định kỳ

Hàng năm, trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác, Ban Kiểm soát có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, phát hiện sai sót trong quá trình hoạt động của Quỹ để đề nghị Giám đốc khắc phục kịp thời.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Việc thẩm định được hiểu là việc xem xét tính chất hợp lý, hợp lệ của báo cáo theo cơ chế quản lý tài chính của Bộ Tài chính.

d) Kiểm tra đột xuất

Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Quỹ khắc phục kịp thời, Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản lý quyết định thời điểm và nội dung tiến hành kiểm tra.

đ) Đối tượng kiểm tra có quyền giải trình trong quá trình kiểm tra. Trường hợp chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban Kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Ban Kiểm soát báo cáo Hội đồng quản lý.

e) Kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát phải thể hiện bằng văn bản do Trưởng Ban Kiểm soát ký. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi trình Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân Thành phố phải được bàn bạc thống nhất trong Ban Kiểm soát.

8. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ phát triển đất.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội. Gồm có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ hoạt động kiêm nhiệm.

a) Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển là Giám đốc Quỹ phát triển đất;

b) Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển phân công 01 Phó Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển là Phó Giám đốc phụ trách hoạt động của Quỹ phát triển đất;

c) Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư phát triển là Kế toán trưởng Quỹ phát triển đất;

d) Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển phân công các phòng nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Giám đốc, Phó

Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định hiện đang giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ Đầu tư phát triển và các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, quy định pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình liên quan tới hoạt động của Quỹ theo yêu cầu quản lý.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn hàng năm của Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý thông qua để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

đ) Báo cáo xin ý kiến thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định dừng việc ứng vốn, thu hồi vốn ứng đối với các Chủ đầu tư sử dụng vốn sai quy định và chậm hoàn trả vốn ứng theo quy định.

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất bao gồm vốn điều lệ do ngân sách Thành phố cấp và vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

a) Vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách Thành phố và từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ phát triển đất sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Quỹ được cấp bổ sung vốn điều lệ theo khoản 1 Điều 13 Nghị định 104/2024/NĐ-CP như sau:

Cấp vốn điều lệ từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách Thành phố, được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

Cấp vốn điều lệ từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ phát triển đất sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp không làm tăng mức vốn điều lệ theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước khu vực I, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn Thành phố bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước khu vực I, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn Thành phố để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

Sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư; tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn

Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn thực hiện theo quy định tại Điều 15

Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Kế hoạch ứng vốn

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch ứng vốn hàng năm của Quỹ phát triển đất để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ theo nguyên tắc giao danh mục dự án, nhiệm vụ và mức vốn ứng cụ thể.

b) Các đơn vị được ứng vốn quy định tại Điều lệ này có văn bản đề xuất ứng vốn gửi tới Quỹ.

c) Căn cứ đề xuất xuất ứng vốn tại điểm b khoản này, Quỹ phát triển đất tổng hợp danh mục dự án, nhiệm vụ và dự thảo Kế hoạch ứng vốn, báo cáo Hội đồng quản lý thông qua và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt. Kế hoạch ứng vốn năm sau được phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

d) Trong năm kế hoạch nêu phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định nêu trên.

2. Điều kiện ứng vốn:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

Căn cứ Kế hoạch ứng vốn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, Giám đốc Quỹ quyết định ứng vốn theo đề nghị của tổ chức ứng vốn và tiến độ thực hiện dự án, nhiệm vụ.

2. Hồ sơ đề nghị ứng vốn

Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn theo quy định gửi Quỹ.

Hồ sơ đề nghị ứng vốn gồm:

a) Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

b) Phương án hoàn trả vốn ứng: 01 bản chính.

c) Hồ sơ tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này và hồ sơ tài liệu khác liên quan đến dự án, nhiệm vụ ứng vốn được quy định tại quy trình nghiệp vụ ứng vốn.

3 Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Quỹ phát triển đất quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn

a) Căn cứ quyết định ứng vốn, Quỹ triển khai ký Hợp đồng ứng vốn với Tổ chức được ứng vốn. Sau khi ký Hợp đồng ứng vốn, Tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị giải ngân vốn ứng.

b) Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn ứng của đơn vị, tổ chức ứng vốn thực hiện theo quy trình nghiệp vụ ứng vốn do Quỹ ban hành.

c) Quỹ kiểm tra hồ sơ đề nghị giải ngân nêu trên và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tiến hành lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng nơi Quỹ mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Số vốn giải ngân được chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Tổ chức, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của Tổ chức được ứng vốn.

5. Việc giải ngân ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện giải ngân ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn

trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

7. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất

1. Xác định chi phí quản lý vốn ứng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 16. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả cho Quỹ): 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cấp có thẩm quyền: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật

quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cấp có thẩm quyền: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ phát triển đất; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả

cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

Điều 17. Chế tài xử lý vi phạm

1. Tổ chức được ứng vốn nếu bị phát hiện sử dụng vốn ứng không đúng mục đích được xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khách quan khác làm ảnh hưởng đến nguồn hoàn trả vốn ứng, tổ chức, đơn vị được ứng vốn báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ TÀI SẢN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
2. Chế độ tài chính (bao gồm cả các khoản phụ cấp của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, người quản lý, viên chức, người lao động nếu có) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất được áp dụng theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và Điều lệ này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Điều lệ này.
3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ

Các khoản thu, chi của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Các khoản thu gồm:
 - a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
 - b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.
 - c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Các khoản chi gồm:
 - a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí ủy thác quản lý Quỹ thực hiện theo khoản 3 Điều 21 Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

Chế độ kế toán, báo cáo của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quỹ phát triển đất thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ phát triển đất có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ phát triển đất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ phát triển đất được thực hiện theo các chương trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ, của Sở Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Quản lý tài chính Quỹ

1. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính năm và công khai quyết toán thu, chi tài chính năm theo quy định hiện hành.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo. Ban kiểm soát quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý về tình hình tài chính của Quỹ.

3. Các loại thuế, các khoản nộp ngân sách nhà nước (nếu có), Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 22. Mỗi quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Với Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố trong hoạt động của Quỹ theo quy định.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Với các sở, ban, ngành

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, phục vụ sự phát triển chung của Thành phố.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Mỗi quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ phát triển đất trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý là đại diện chủ sở hữu nhà nước, chỉ đạo các hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể. Do đó, Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý, tham mưu cho Hội đồng quản lý chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý.

2. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Do đó, Giám đốc Quỹ phải chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban

kiểm soát. Tại các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản lý, có sự tham dự của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ phải kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 24. Môi quan hệ giữa Quỹ phát triển đất và các Tổ chức được ứng vốn

Các Tổ chức được ứng vốn được xem như đối tượng phục vụ của Quỹ. Quỹ phải thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn... để các Tổ chức được ứng vốn nắm bắt, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và thu hồi vốn ứng phải thực hiện theo đúng các quy định trong Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Quan hệ giữa Quỹ và các Tổ chức được ứng vốn phải được xác lập bằng hợp đồng gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện Tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

Điều 25. Môi quan hệ giữa Quỹ phát triển đất (Quỹ ủy thác) và Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (Quỹ nhận ủy thác)

1. Quỹ phát triển đất thực hiện ủy thác hoạt động của Quỹ cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố. Phạm vi ủy thác được quy định tại Quyết định ủy thác của UBND Thành phố và phù hợp với quy định tại các Nghị định của Chính phủ số 104/2024/NĐ-CP, số 147/2020/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

2. Ban điều hành Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố có trách nhiệm tổ chức bộ máy quản lý, bố trí nhân sự để thực hiện hoạt động được ủy thác; tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân Thành phố trong quá trình quản lý, sử dụng vốn Quỹ phát triển đất; Định kỳ báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng vốn và đề xuất phương án phát triển Quỹ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát Quỹ phát triển đất.

3. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm định hướng mục tiêu sử dụng vốn, tổng hợp xây dựng kế hoạch ứng vốn, danh mục ứng vốn; giám sát hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển theo nội dung đã ủy thác; phối hợp xử lý các tình huống phát sinh theo thẩm quyền.

4. Hai bên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin định kỳ, đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng và phát triển vốn Quỹ phát triển đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Chương VII

GIẢI THỂ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 26. Quy trình giải thể Quỹ phát triển đất

Quy trình giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số

104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Trường hợp Quỹ phát triển đất đã được thành lập nhưng không cần thiết phải duy trì Quỹ phát triển đất thì Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ. Thành phần Hội đồng giải thể bao gồm:

- a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố
- b) Đại diện lãnh đạo các sở, ngành Thành phố có liên quan.
- c) Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ.
- d) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Hội đồng giải thể xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua. Phương án giải thể Quỹ phát triển đất bao gồm các nội dung sau:

- a) Đánh giá của tổ chức kiểm toán độc lập về thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ của Quỹ, trừ trường hợp Quỹ đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 06 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ.
- b) Phương án xử lý vốn điều lệ, xử lý tài sản của Quỹ.
- c) Phương án chuyển giao các khoản ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ.
- d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
- đ) Điều khoản chấm dứt toàn bộ nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ.

3. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giải thể Quỹ phát triển đất, đồng thời gửi văn bản thông báo đến Bộ Tài chính và công bố việc giải thể trên các phương tiện thông tin đại chúng ở thành phố Hà Nội và Trung ương.

4. Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực:

- a) Quỹ phát triển đất có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.
- b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

5. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ phát triển đất đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thời gian giải thể Quỹ phát triển đất không quá 02 năm, kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 01 năm.

Điều 27. Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất và trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất và trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất

a) Chấm dứt việc ứng vốn từ Quỹ, nhận ủy thác và ủy thác quy định tại Nghị định này khi quyết định giải thể có hiệu lực.

b) Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phát triển đất phải thực hiện:

Khóa sổ kế toán; đối chiếu số liệu và kiểm kê tài sản; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;

Lập danh sách các khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng; danh sách các khoản ứng vốn từ Quỹ phải thu hồi; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác;

Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ phát triển đất.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phát triển đất phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng; danh sách các khoản ứng vốn từ Quỹ phải thu hồi; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác;

Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ.

2. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể:

a) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

Thu hồi con dấu của Quỹ phát triển đất để phục vụ việc giải thể;

Tổ chức giải thể Quỹ phát triển đất theo phương án được duyệt.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả giải thể.

c) Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ phát triển đất để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phương án xử lý tài sản của Quỹ phát triển đất sau khi bàn giao cho Hội đồng giải thể.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Xử lý chuyển tiếp

Xử lý chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. Việc hoàn trả vốn ứng đối với các dự án, nhiệm vụ đã ứng vốn phát sinh trước ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì được thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

2. Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ phát triển đất có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân phường, xã và các tổ chức, đơn vị ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ phát triển đất thực hiện các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp Chính phủ có nghị định sửa đổi bổ sung hoặc Bộ Tài chính có hướng dẫn Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn cập nhật.

4. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết). Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định (thông qua Sở Nội vụ xem xét, thẩm định).